

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÌN HỒ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tẩn A Sênh- Nghề nghiệp: Cán bộ.

Ông Lê Văn Đông - Nghề nghiệp: Giáo viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Chảo Hồ Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S H, tỉnh L C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S H, tỉnh L C tham gia phiên tòa:
Ông Tẩn Lưu Ngan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S H, tỉnh L C, Toà án nhân dân huyện S H mở phiên toà xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo: Lò Văn T. Tên gọi khác: Không, giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/11/ 2002, tại huyện S H, tỉnh L C; Nơi cư trú: Bản Ph Ch, xã N H, huyện S H, tỉnh L C; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lò Văn Ở, sinh năm 1979, con bà: Lò Thị T, sinh năm 1980; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/02/2020 đến ngày 23/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/02/2020 tại Bản Ph Ch, xã N H, huyện S H, tỉnh L C cho đến nay; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Mạnh H là Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L C; có mặt.

* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: Ông Lò Văn O, sinh năm 1979; trú tại: Bản Ph Ch, xã N H, huyện S H, tỉnh L C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi sáng ngày 14 tháng 02 năm 2020, Lò Văn T, sinh năm 2002; trú tại Bản Ph Ch, xã N H, huyện S H, tỉnh L C điều khiển xe mô tô T mượn của Lò Văn Hiền, sinh năm 2000; trú tại bản N H 1, xã N H đến rủ Lò Văn M, sinh năm 2001, trú cùng bản xuống trung tâm xã N H chơi và trả xe cho Hiền.

Lò Văn T khai, M là người điều khiển xe chở T, khi hai người đi đến cầu Nậm Luông thuộc bản Nậm Há, xã N H thì M dừng xe, đưa cho T một túi nilon bên trong có 20 gói Heroine đều được gói bằng mảnh nilon màu trắng và rủ T cùng đi bán số Heroine này, T đồng ý. M tiếp tục điều khiển xe chở T đi đến ngã tư thuộc bản N H 2, xã N H. Tại đây, M và T đã bán được 07 gói Heroine cho 06 người không quen biết, được số tiền 700.000 đồng. Khi mua bán, M là người trực tiếp trao đổi với người mua và nhận tiền, còn T đưa Heroine. Khoảng 12 giờ cùng ngày, M chia cho T 300.000 đồng từ số tiền bán Heroine có được. T tiêu hết 100.000 đồng, còn 200.000 đồng cất trong túi áo khoác và để trong khoang chứa đồ trên xe của Hiền. Sau đó M điều khiển xe đưa T về nhà ăn trưa xong, Lò Văn T lấy số Heroine còn lại ra đếm thấy còn 13 gói và cho toàn bộ số Heroine này vào trong một vỏ bao thuốc lá Thăng Long, rồi cất giấu trong túi áo bên trái đang mặc trên người. Khoảng 13 giờ cùng ngày, M điều khiển xe mô tô của Hiền đến đón T rồi cùng đi đến ngã tư N H để tiếp tục bán Heroine. Khi đến ngã tư, T đã trả xe cho Hiền còn M đi đâu không rõ.

Hồi 15 giờ 50 phút ngày 14/02/2020, khi Lò Văn T đang ngồi tại quán nước ở khu vực ngã tư thuộc bản N H 2, xã N H, huyện S H thì bị Tổ công tác Công an huyện S H mời về trụ sở Ủy ban nhân dân xã N H để kiểm tra hành chính. Qua kiểm tra phát hiện tại túi áo phía trong, bên trái đang mặc trên người của Lò Văn T có 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Thăng Long, bên trong đựng 13 gói Heroine. Công an huyện S H đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong vật chứng theo quy định.

Trong quá trình bắt quả tang, tạm giữ Lò Văn T khai tên là Lò Văn T, sau khi điều tra, xác Minh Cơ quan điều tra Công an huyện S H xác Minh bị cáo có tên thật là Lò Văn T, sinh ngày 23/11/2002.

Tại bản giám định tư pháp số 19 ngày 15/02/2020 của người giám định theo vụ việc kết luận: 13(mười ba) gói chất bột màu trắng thu giữ của Lò Văn T (sau khi loại bỏ bao bì) xác định có tổng khối lượng là 0,65 gam (không phải sáu mươi lăm) gam.

Tại bản Kết luận giám định số 83/GĐ-KTHS, ngày 19/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L C kết luận: 13(mười ba) mẫu chất bột khô màu trắng (ký hiệu từ M1 đến M13) thu giữ của Lò Văn Tẩm gửi giám định là ma túy, loại: Heroine.

Tại Bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-SH ngày 21 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S H, tỉnh L C đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện S H, tỉnh L C để xét xử bị cáo Lò Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện S H, tỉnh L C đã truy tố, không oan, không sai.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lò Văn T không quá $\frac{3}{4}$ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung; Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy: 13 mảnh nilon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, đã qua sử dụng đây là công cụ bị cáo dùng để gói và đựng Heroine;

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tuổi đời bị cáo còn trẻ nên sự hiểu biết pháp luật của bị cáo còn có nhiều hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, thời điểm phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 91 Bộ luật Hình sự Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo; về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của

Bộ luật tố tụng Hình sự, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật; về án phí: bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú tại xã đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã thu thập đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 15 giờ 50 phút ngày 14/02/2020, tại bản N H 2, xã N H, huyện S H, tỉnh L C. Lò Văn T sinh ngày 23/11/ 2002 trú tại Bản Ph Ch, xã N H, huyện S H đang có hành vi tàng trữ trái phép 13 gói Heroine có tổng khối lượng 0,65 gam thì bị phát hiện, bắt quả tang.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Lò Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện S H. Bị cáo nhận thức được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm Minh theo quy định của pháp luật để

giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo qui định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Lò Văn T không quá $\frac{3}{4}$ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Lò Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tại thời điểm bị cáo Lò Văn T thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lò Văn T được 17 tuổi 09 tháng 09 ngày. Do vậy hành vi của bị cáo được quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự quy định: Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác, không có tác dụng răn đe và phòng ngừa.

Khi xử phạt tù có thời hạn, Tòa án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Tại khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự quy định: Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định. Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 91, khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu và tiêu huỷ: 13 mảnh ni lon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, đã qua sử dụng là công cụ bị cáo dùng để gói và đựng Heroine; Đối với 0,65 gam Heroine thu giữ của bị cáo Lò Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S H đã trích toàn bộ gửi giám định chất ma túy, sau khi có kết luận giám định không hoàn lại mẫu vật nên Hội đồng xét xử không xem xét;

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người đại diện, người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[9] Về trách nhiệm của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú và những người liên quan:

Thông qua vụ án này, đề nghị cấp chính quyền địa phương xã N H, huyện S H nơi bị cáo Lò Văn T đang cư trú cần nâng cao tuyên truyền, giải thích cho người dân có ý thức chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ta; tuyên truyền tác hại của các chất ma túy để mỗi người dân am hiểu rõ về các chất ma túy. Tăng cường đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy trên địa bàn và có các biện pháp giữ gìn trật tự an ninh trên địa bàn.

Quá trình điều tra Lò Văn T khai, bản thân nghiện ma túy. Buổi sáng ngày 14/02/2020 bị cáo được Lò Văn M đưa cho 20 gói Heroine để bán. Bị cáo cùng M đã bán cho những người không quen biết 07 gói Heroine, thu được số tiền 700.000 đồng. Bị cáo được chia số tiền 300.000 đồng, đã tiêu hết 100.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo để trong túi áo cất ở khoang chứa đồ của xe mô tô bị

cáo đã trả cho Lò Văn Hiền, còn 13 gói Heroine chưa kịp bán thì bị bắt. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác minh Lò Văn H không có mặt tại địa phương, không biết đang làm gì, ở đâu nên không triệu tập đến lấy lời khai, cũng không thu giữ được số tiền bán Heroine có được theo lời khai của T và không xác định được những người đã mua ma túy của bị cáo. Về hành vi tàng trữ 13 gói Heroine, bị cáo khai là của Lò Văn M đưa cho bị cáo nhằm mục đích mua bán. Ngoài lời khai duy nhất của bị cáo, quá trình điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Do đó không đủ căn cứ để kết luận bị cáo Lò Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với Lò Văn M, Cơ quan điều tra đã triệu tập đến đầu tranh, đối chất với Lò Văn T nhưng M không thừa nhận việc đưa Heroine cho T và cùng T đi bán. Ngoài lời khai duy nhất của bị cáo không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không đủ căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Lò Văn M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và 47 và các Điều 90, Điều 91, Điều 98, Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T, phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn T: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 21 (hai mươi một) ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 13 mảnh ni lon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, đã qua sử dụng.

5. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo được Miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người đại diện, Người bào chữa có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13 tháng 8 năm 2020).

6. Về biện pháp ngăn chặn: Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày tuyên án cho đến thời điểm bị cáo vào trại chấp hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L C;
- VKSND tỉnh L C;
- Sở Tư pháp tỉnh L C;
- VKSND huyện S H;
- CQCSĐT CA huyện S H;
- CQTHAHS CA huyện S H;
- CCTHADS huyện S H;
- UBND xã N H;
- Bị cáo; Người đại diện;
- Người bào chữa;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Ngoãn